TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **THÀNH PHỐ H** --- Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST Ngày: 26-9-2018 *V/v: Ly hôn*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - THÀNH PHỐ H

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Phạm Thị Thu H.**

Hội thẩm nhân dân: 1/ **Bà Nguyễn Thị N.**

2/ **Ông Nguyễn Hữu Đ.**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Ông Thịnh Quang T** - Cán bộ Toà án nhân dân Huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Việt H – Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 247/2018/TLST–HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 về việc: L*y hôn*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXX ngày 10/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2018, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: **Chị Ngô Thị T**, sinh năm 1976; HKTT: Thôn T, xã N, Huyện Đ, Thành phố H; Nơi ở hiện nay:, xã B, huyện Đ, Thành phố H; Nghề nghiệp: Bảo vệ Tại Công ty B.

Có mặt tại phiên tòa.

2. ***Bị đơn***: **Anh Nguyễn Quang T**, sinh năm 1975; HKTT và nơi ở: xã N, huyện Đ, Thành phố H; Nghề nghiệp: Công nhân Công ty Môi trường Đ.

Có mặt tại phiên tòa.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***: **Anh Nguyễn Quang M**, sinh ngày 06/4/1996; HKTT và nơi ở hiện nay: xã N, Huyện Đ, Thành phố H;

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 29/4/2018, các lời khai bổ sung tại biên bản lấy lời khai, chị Ngô Thị T là nguyên đơn trình bày:**

- Về tình cảm: Chị với anh Nguyễn Quang T kết hôn ngày 14/7/1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, Thành phố H. Trước khi cưới vợ chồng có tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng ra ở riêng trên đất của bố mẹ chồng cho ở thôn T, xã N, huyện Đ, Thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hiểu nhau, chị đi đâu thì anh T cũng ghen tuông vô cớ. Trầm trọng nhất vào tháng 10/2017, nguyên nhân mâu thuẫn vẫn là do anh T ghen tuông vô cớ. Chị không chịu được nên đã đi đến nhà chị gái ở. Sau này chị quyết định ly hôn nên chị đã về nhà mẹ đẻ ở. Quá trình chị về nhà mẹ đẻ ở anh T có đến nói chuyện và khuyên ngăn chị về nhưng lần này chị quyết định ly hôn nên chị không về. Gia đình, chính quyền đã hòa giải nhưng không thành. Nay quan điểm của chị xác định chị không thể chung sống với anh T nên chị xin ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quang M, sinh ngày 06/4/1996 và Nguyễn Quang C, sinh ngày 02/11/2000. Hiện tại hai con đang ở với anh T và sức khỏe của các cháu vẫn bình thường. Nếu vợ chồng ly hôn, cháu M đã thành niên nên ở với ai thì tùy thuộc vào cháu, còn cháu C thì chị có nguyện vọng để anh T nuôi dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm bảo vệ ở Công ty B, thu nhập bình quân khoảng 5.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung; nợ chung; nhà, đất chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về đất nông nghiệp: Hộ gia đình chị gồm có: Chị, anh Nguyễn Quang T, cháu Nguyễn Quang M được cấp đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP tổng số là 1251m^2 gồm 4 thửa là: tại Xứ đồng Đ diện tích 244m^2, Xứ đồng V 13 diện tích 221m^2, Xứ đồng V 4 diện tích 486m^2, Xứ đồng V 3 diện tích 300m^2 thuộc Đội X, thôn T, xã N, huyện Đ, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P884650, do Ủy ban nhân dân huyện Đ, Thành phố H cấp ngày 16/5/200 đứng tên hộ gia đình ông Nguyễn Quang T. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được quản lý sử dụng phần đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn của chị ở Xứ đồng V 4. Phần đất còn lại để anh T và cháu M quản lý sử dụng.

*** Tại bản tự khai ngày 13/7/2018, các lời khai bổ sung tại biên bản lấy lời khai ghi ngày 27/8/2018, anh Nguyễn Quang T là bị đơn trình bày**:

- Về tình cảm: Anh với chị Ngô Thị T kết hôn ngày 14/7/1995, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện Đ, Thành phố H. Trước khi cưới vợ chồng có tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng ra ở riêng trên đất của bố mẹ anh cho ở thôn T, xã N, huyện Đ, Thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận không xảy ra mâu thuẫn gì. Chị T

bỏ về nhà mẹ đẻ lần này là lần thứ hai. Lần thứ nhất khoảng năm 2016, chị T đã bỏ về nhà đẻ ở khoảng 10 ngày. Nguyên nhân do vợ chồng hiểu lầm nhau về chuyện trai gái. Thời gian đó, chị T có biểu hiện ngoại tình mặc dù anh không bắt được quả tang nên anh có nói chị T và chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở khoảng 10 ngày sau đó anh có lên nhà đón và xin lỗi chị T và vợ chồng về đoàn tụ. Lần thứ 2 vào tháng 02/2018, chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay. Nguyên nhân lần này vợ chồng không có gì mâu thuẫn lớn cả, mà chỉ là do chị T hôm đó ghi đề hộ bạn ở Công ty nên anh biết được và anh có nói chị T mấy câu. Chị T cứ thế là bỏ đi ra ngoài thuê trọ sau đó về nhà mẹ đẻ ở. Từ thời gian đó anh cũng đã lên nhà chị T nói chuyện để đón chị T về, bố mẹ chị T cũng đã khuyên ngăn chị T nhưng chị T nhất quyết không về. Anh cũng không hiểu lý do vì sao chị T không về. Anh cũng đã tìm hiểu nhưng anh chỉ nghe là chị T có quan hệ với người đàn ông khác. Sự việc này anh chỉ nghe nói chứ cũng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh. Sự việc của vợ chồng anh đã được gia đình chính quyền hòa giải. Nay chị T xin ly hôn anh, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị T, anh không đồng ý ly hôn chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quang M, sinh ngày 06/4/1996 và Nguyễn Quang C, sinh ngày 02/11/2000. Hiện tại hai con đang ở với anh và sức khỏe của các cháu vẫn bình thường. Nếu vợ chồng ly hôn, cháu M đã thành niên nên ở với ai thì tùy thuộc vào cháu, còn cháu C thì anh có nguyện vọng để chị T nuôi dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh đang làm công nhân xây dựng, thu nhập bình quân khoảng 5.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung, nhà, đất chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về đất nông nghiệp: Hộ gia đình anh gồm có: Anh, chị Ngô Thị T, cháu Nguyễn Quang M được cấp đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP tổng số là 1251m^2 gồm 4 thửa là: tại Xứ đồng Đ diện tích 244m^2, Xứ đồng V 13 diện tích 221m^2, Xứ đồng V 4 diện tích 486m^2, Xứ đồng V 3 diện tích 300m^2 thuộc Đội X, thôn T, xã N, huyện Đ, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P884650, do Uỷ ban nhân dân huyện Đ, thành phố H cấp ngày 16/5/200 đứng tên hộ gia đình ông Nguyễn Quang T. Nếu ly hôn anh đồng ý trả cho chị T phần đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn của chị được cấp tại Xứ đồng V 4. So với tiêu chuẩn của chị T có thừa ra khoảng mấy chục mét vuông nhưng anh cũng không yêu cầu chị T phải thanh toán phần chênh lệch mà để chị T sử dụng cả.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2018, anh Nguyễn Quang M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày**:

Anh nhất trí với quan điểm là lời trình bày của bố anh là anh T. Nếu bố mẹ anh ly hôn, về đất nông nghiệp anh nhất trí như quan điểm của bố anh và đề nghị giao phần đất nông nghiệp của anh chung với bố anh để cùng quản lý sử dụng.

Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn chị Ngô Thị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc và trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 2/2018 cho đến nay. Chị T yêu cầu được ly hôn anh T; Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quang M, sinh ngày 06/4/1996 và Nguyễn Quang C, sinh ngày 02/11/2000. Nếu vợ chồng ly hôn, cháu M đã thành niên nên ở với ai thì tùy thuộc vào cháu, cháu C có nguyện vọng được ở với chị thì chị cũng đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm bảo vệ ở Công ty B, thu nhập bình quân khoảng 5.000.000đ/tháng; Về tài sản chung là động sản, nợ chung, nhà đất chung, công sức đóng góp chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung là đất nông nghiệp: Hộ gia đình chị gồm có: Chị, anh Nguyễn Quang T, cháu Nguyễn Quang M được cấp đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP tổng số là 1251m^2 gồm 4 thửa là: tại Xứ đồng Đ diện tích 244m^2, Xứ đồng V 13 diện tích 221m^2, Xứ đồng V 4 diện tích 486m^2, Xứ đồng V 3 diện tích 300m^2 thuộc Đội X, thôn T, xã N, huyện Đ, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P884650, do Uỷ ban nhân dân huyện Đ, Thành phố H cấp ngày 16/5/200 đứng tên hộ gia đình ông Nguyễn Quang T. Chị đồng ý nhận quản lý sử dụng phần đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn của chị được cấp tại Xứ đồng V 4 có diện tích 486m2, trong đó theo tiêu chuẩn của chị được cấp là 417m2, diện tích 69m2 còn lại chị chỉ sử dụng cho đến khi có Quyết định thu hồi của cơ quan nhà nước thì chị sẽ bàn giao lại cho anh T và cháu M. Ngoài ra chị T không có ý kiến gì khác.

+ Bị đơn anh Nguyễn Quang T giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn vì anh xác định vẫn còn tình cảm với chị T. Theo anh vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, việc anh hay đánh chị T chỉ là do anh nóng tính và không kìm chế được nên anh đã đánh chị T. Đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh về đoàn tụ; Về con chung: Anh nhất trí với quan điểm của cháu C có nguyện vọng được ở với mẹ, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung là động sản, nợ chung, nhà đất chung, công sức đóng góp chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung là đất nông nghiệp: Anh vẫn giữ nguyên quan điểm đồng ý giao trả cho chị T phần diện tích đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn của chị T được cấp và giao cho chị T thửa đất tại Xứ đồng V 4 có diện tích 486m2, trong đó anh giao cho chị T quản lý và sử dụng phần diện tích theo tiêu chuẩn của chị T được cấp là 417m2, đối với diện tích 69m2 còn lại anh chỉ tạm giao cho chị T sử dụng cho đến khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra Quyết định thu hồi thì chị T phải bàn giao lại cho anh và cháu M. Ngoài ra anh T không có ý kiến gì khác.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Quang M đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXX ngày 10/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2018, tại phiên tòa hôm nay anh M vẫn vắng mặt không có lý do, đây là lần thứ hai anh M vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng

dân sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo trình tự mà pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà hôm nay đã chấp hành tốt pháp luật không phải nhắc nhở, kiến nghị gì. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhiều lần không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, gây cản trở khó khăn cho việc giải quyết vụ án cần nhắc nhở.

+ Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết nội dung của vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy chị T và anh T kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh T đã nhiều lần đánh chị T chỉ vì lý do ghen tuông, anh T không có chứng cứ chứng minh về việc chị T có quan hệ ngoại tình, chị T đã nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ sống, nhưng sau đó anh T đến xin lỗi và đón chị về, vợ chồng lại tiếp tục chung sống. Từ tháng 02/2018 chị T tiếp tục bỏ về nhà mẹ đẻ sống và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã trầm trọng và kéo dài nên việc chị T yêu cầu xin ly hôn với anh T là có căn cứ, do vậy cần chấp nhận.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung như đã trình bày. Cháu Nguyễn Quang M đã trưởng thành nên không xét. Cháu Nguyễn Quang C có nguyện vọng được ở với mẹ, nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu C đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Về tài sản chung, nợ chung, nhà đất chung, công sức đóng góp chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về đất nông nghiệp: Chị T có nguyện vọng được chia phần đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn của chị đã được cấp, anh T tự nguyện giao cho chị T phần diện tích đất nông nghiệp tại Xứ đồng V 4 có diện tích 486m2, trong đó giao cho chị T quản lý và sử dụng 417m2 là phần diện tích theo tiêu chuẩn chị T được cấp, còn 69m2 là phần diện tích thừa ngoài phần diện tích theo tiêu chuẩn chị T được cấp tạm giao cho chị T sử dụng cho đến khi có Quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Các bên đương sự phải có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục về nhà đất theo qui định của pháp luật.

Các bên đương sự phải chịu án phí và được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật**:

Chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Quang T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/7/1995 tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện Đ, Thành phố H. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, chị T có đơn xin ly hôn với anh T, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn".

[2] **Về tố tụng**: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXX ngày 10/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2018 cho anh Nguyễn Quang M, nhưng anh M vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng lần thứ hai tại phiên tòa, do vậy Toà án nhân dân huyện Đ tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Quang M là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] **Về nội dung**:

[3.1] Về tình cảm: Chị Ngô Thị T kết hôn với anh Nguyễn Quang T ngày 14/7/1995 có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện Đ, Thành phố H. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính theo chị T là do vợ chồng không hiểu nhau, anh T thường xuyên ghen tuông vô cớ đối với chị T và vợ chồng thường xuyên đánh cãi nhau. Về phía anh T thừa nhận có nghi ngờ chị T có quan hệ ngoại tình nhưng anh T không có chứng cứ gì để chứng minh, anh T cũng thừa nhận đã có lần do nóng tính và không kìm chế được nên anh đã đánh chị T, dẫn đến việc chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ một lần vào năm 2016 và từ tháng 02/2018 chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin được ly hôn với anh T. Anh T cho rằng anh vẫn còn tình cảm với chị T và không đồng ý ly hôn.

Qua lời khai của ông Nguyễn Quang Đ là bố đẻ anh T cũng xác nhận vợ chồng anh T chị T có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T có tính ghen tuông nên hay có lời ra tiếng vào đối với chị T, chị T từ khi bỏ làm ruộng đi làm khu công nghiệp thì có nhiều mối quan hệ bạn bè bên ngoài nên càng làm cho anh T ghen hơn. Khoảng tháng 10/2017 vợ chồng anh T, chị T cãi nhau và chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống. Ông Đ cũng đã khuyên giải vợ chồng anh chị nhiều nhưng không có kết quả, ông đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị đoàn tụ.

Qua lời khai của bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ chị T thì quá trình anh T và chị T chung sống có rất nhiều mâu thuẫn, chị T đã nhiều lần bỏ về nhà bà ở, nhưng sau khi bà khuyên bảo chị T lại quay về chung sống cùng anh T. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh T là do anh T hay ghen tuông vô cớ, chị T đã từng làm đơn xin ly hôn với anh T nhưng được chính quyền hòa giải nên chị T đã không nộp đơn đến Tòa

án. Từ cuối năm 2017 anh chị mâu thuẫn trầm trọng nhất và chị T đã về nhà bà ở từ đó cho đến nay, nguyên nhân cũng vẫn là do anh T ghen tuông vô cớ. Bản thân bà cũng đã khuyên nhủ chị T nhiều, anh T cũng đến nhà bà nói chuyện nhiều lần nhưng chị T vẫn không thay đổi và nhất quyết xin ly hôn. Bà đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị, nếu chị T vẫn nhất quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật vì anh chị đã trưởng thành nên anh chị phải tự quyết định cuộc sống của mình.

Qua xác minh tại địa phương – xã N, huyện Đ– là nơi vợ chồng anh T, chị T đã chung sống thì quá trình anh chị chung sống thường xuyên có xích mích và khoảng năm 2017 chị T có mang đơn xin ly hôn đến để xin xác nhận tình trạng hôn nhân, chính quyền thôn cũng đã gặp cả hai bên anh T, chị T để khuyên giải và anh T đã lên nhà chị T để xin lỗi và đón chị T về. Nguyên nhân mâu thuẫn chính của vợ chồng anh chị là do anh T có tính hay ghen và do chị T đi làm khu công nghiệp có nhiều quan hệ bạn bè nên càng làm cho anh T ghen. Khoảng một năm sau đó chị T lại làm đơn xin ly hôn nguyên nhân do anh T ghen tuông nên vợ chồng đã cãi nhau và chị T đã về nhà mẹ đẻ ở xã B sống từ tháng 10/2017 cho đến nay. Đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Căn cứ các tài liệu Tòa án thu thập có trong hồ sơ thể hiện mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh T là có thật, việc mâu thuẫn này xuất phát từ việc vợ chồng không có lòng tin với nhau, anh T thường xuyên nghi ngờ chị T có quan hệ với người khác, mặc dù anh T không có chứng cứ gì để chứng minh. Từ đó nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đánh nhau và dẫn đến việc chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 02/2018 và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Bản thân anh T cũng như cả hai bên gia đình cũng đều đã thừa nhận việc này. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình khuyên nhủ nhiều lần, chính quyền địa phương cũng đã hòa giải, tuy nhiên đều không có kết quả. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã quá căng thẳng và trầm trọng không thể hàn gắn được, anh chị đã sống ly thân từ lâu, cuộc sống chung vợ chồng giữa chị T và anh T không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T xin ly hôn với anh T là có căn cứ và phù hợp qui định của pháp luật. Vì vậy nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Do anh T cố tình không đến Tòa án để tham gia tố tụng tại Tòa án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay, anh T và chị T cũng không thể hòa giải được với nhau. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Ngô Thị T được ly hôn anh Nguyễn Quang T.

[3.2] Về con chung: Chị T, anh T có 02 con chung là Nguyễn Quang M, sinh ngày 06/4/1996 và Nguyễn Quang C, sinh ngày 02/11/2000. Cháu M đã thành niên nên ở với ai thì tùy thuộc vào cháu. Cháu C hiện nay có sức khỏe bình thường và đang sống cùng anh T, cháu C có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị T có nguyện vọng để cháu C tiếp tục ở với anh T. Anh T có nguyện vọng để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu C. Chị T hiện

nay đang làm bảo vệ tại Công ty B, thu nhập bình quân khoảng 5.000.000đ/tháng, hiện nay anh T đang làm công nhân tại Công ty Môi trường Đ, thu nhập bình quân khoảng 5.000.000đ/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con cả chị T và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét về điều kiện của anh T và chị T thì đều có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên hiện nay cháu C đã 17 tuổi 10 tháng và cháu có nguyện vọng được ở với mẹ, nên việc giao cháu C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp qui định của pháp luật cũng như đáp ứng nguyện vọng của cháu C. Vì vậy Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Mạnh C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung là động sản, vay nợ chung và công sức đóng góp chung: Anh T, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung là bất động sản (nhà đất ở): Chị T, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về tài sản chung là đất nông nghiệp: Hộ gia đình anh Nguyễn Quang T gồm có: Chị Ngô Thị T, anh Nguyễn Quang T, anh Nguyễn Quang M được cấp đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP tổng diện tích là 1251m^2 gồm 4 thửa: tại Xứ đồng Đ diện tích 244m^2; Xứ đồng V 13 diện tích 221m^2; Xứ đồng V 4 diện tích 486m^2; Xứ đồng V 3 diện tích 300m^2 thuộc Đội X, thôn T, xã N, huyện Đ, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P884650, do Uỷ ban nhân dân huyện Đ, Thành phố H cấp ngày 16/5/200 đứng tên hộ gia đình ông Nguyễn Quang T.

Anh T, chị T, anh M đều xác nhận diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình anh chị được cấp như trên. Chị T có nguyện vọng được nhận lại phần diện tích đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn của chị được cấp, anh T và anh M cũng đồng ý giao lại cho chị T toàn bộ phần diện tích đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn chị T được cấp. Anh T và anh M tự nguyện bàn giao cho chị T thửa đất nông nghiệp tại Xứ đồng V 4 có diện tích là 486m2, trong đó có 417m2 là phần diện tích đất chị T được cấp theo tiêu chuẩn, còn lại 69m2 là phần diện tích chênh lệch so với phần diện tích theo tiêu chuẩn chị T được cấp, anh T và anh M tạm giao cho chị T sử dụng cho đến khi có Quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Xét thấy việc anh T và anh M giao cho chị T quản lý và sử dụng 417m2 và tạm giao sử dụng 69m2 đất nông nghiệp tại Xứ đồng V 4 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh Nguyễn Quang M có nguyện vọng được giao toàn bộ phần diện tích đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn của anh được hưởng chung với phần diện tích đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn của anh T để cùng quản lý và sử dụng. Xét yêu cầu

này của anh M là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T, anh T, anh M tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên không phải chịu án phí chia tài sản là đất nông nghiệp theo qui định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a, d khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Ngô Thị T.

2. Chị Ngô Thị Tđược ly hôn anh Nguyễn Quang T.

3. Về con chung: Xác nhận chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Quang M, sinh ngày 06/4/1996 và Nguyễn Quang C, sinh ngày 02/11/2000.

Cháu Nguyễn Quang M đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

Giao cháu Nguyễn Quang C cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 9/2018 cho đến khi cháu C đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T và chị T không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không xem xét.

Anh T có có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung là động sản, vay nợ chung và công sức đóng góp chung: Anh T, chị T không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

5. Về tài sản chung là bất động sản (nhà, đất ở): Chị T, anh T không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

6. Về tài sản chung là đất nông nghiệp:

- Xác nhận hộ gia đình anh Nguyễn Quang T gồm có: Chị Ngô Thị T, anh Nguyễn Quang T, anh Nguyễn Quang M được cấp tổng số là 1251m^2 đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP tại 04 thửa là: Xứ đồng Đ diện tích 244m^2; Xứ đồng V 13 diện tích 221m^2; Xứ đồng V 4 diện tích 486m^2; Xứ đồng V 3 diện tích 300m^2 thuộc Đội X, thôn T, xã N, huyện Đ, Thành phố H; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P884650, do Uỷ ban nhân dân huyện Đ, Thành phố H cấp ngày 16/5/200 đứng tên hộ gia đình ông Nguyễn Quang T.

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Nguyễn Quang T, chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Quang M về việc chia diện tích đất nông nghiệp như sau:

+ Giao cho chị Ngô Thị T quản lý và sử dụng 417m2 trong tổng diện tích 486m2 đất nông nghiệp tại Xứ đồng V 4 thuộc Đội X, thôn T, xã N, huyện Đ, Thành phố H. Tạm giao cho chị T sử dụng 69m2 trong tổng diện tích 486m2 đất nông nghiệp tại Xứ đồng V 4 thuộc Đội X, thôn T, xã N, huyện Đ, Thành phố H cho đến khi có Quyết định khác của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, chị T phải có trách nhiệm bàn giao lại cho anh T và anh M *(Có sơ đồ kèm theo)*.

+ Giao cho anh Nguyễn Quang T và anh Nguyễn Quang M cùng quản lý sử dụng 03 thửa đất tại Xứ đồng Đ diện tích 244m^2; Xứ đồng V 13 diện tích 221m^2; Xứ đồng V 3 diện tích 300m^2 thuộc Đội X, thôn T, xã N, huyện Đ, Thành phố H, tổng diện tích là 765m2 *(Có sơ đồ kèm theo)*.

+ Anh T, anh M được nhận lại 69m2 đất nông nghiệp tại Xứ đồng V 4 thuộc Đội X, thôn T, xã N, huyện Đ, Thành phố H do chị T bàn giao khi có Quyết định khác của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Anh T, chị T, anh M có trách nhiệm liên hệ đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Về án phí:

Chị Ngô Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001413 ngày 02/5/2018. Như vậy chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí về việc chia tài sản đã nộp là 1.377.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001450 ngày 11/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Chị T, anh T, anh M không phải chịu tiền án phí về việc chia tài sản chung.

8. Chị Ngô Thị T, anh Nguyễn Quang T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Quang M vắng mặt có quyền

làm đơn kháng cáo đối với phần tài sản có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Thu H

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKS Đ
- THA Đ.
- TAND thành phố H
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Thu H

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKS Đ
- THA Đ.
- TAND thành phố H
- Lưu hồ sơ.